

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA XÃ HỘI HỌC-CÔNG TÁC XÃ HỘI-ĐÔNG NAM Á

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

I. Thông tin tổng quát

1. Tên môn học tiếng Việt: Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á.

2. Tên môn học tiếng Anh: Economic Intergration in South-East Asia.

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng

- | | |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở | <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành | <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp |

4. Số tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
3	2	1	3 (2,1,5)

5. Phụ trách môn học

- | | |
|---------------------------|--|
| a) Phụ trách: | Khoa XHH-CTXH-ĐNA |
| b) Giảng viên: | Tiến sĩ Nguyễn Văn Sơn |
| c) Địa chỉ email liên hệ: | son.nv@ou.edu.vn |
| d) Phòng làm việc: | P.603, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh,
35-37 Hồ Hảo Hớn, Phường Cô Giang, Quận 1 |

II. Thông tin về môn học

1. Mô tả môn học

Khu vực Đông Nam Á có xuất phát điểm về kinh tế thấp hơn nhiều khu vực khác, nhưng từ đầu thập niên 1990s đã nổi lên thành một khu vực phát triển năng động với nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh hàng đầu trong nền kinh tế thế giới. Đó là kết

quả của quá trình đẩy mạnh hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực (và giữa khu vực với phần còn lại của thế giới) kể từ sau Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ tư vào tháng 01/1992. Nói khác đi, việc nâng cấp quan hệ hội nhập kinh tế khu vực với những bước đi hợp lý để thích nghi với tiến trình toàn cầu hóa diễn ra nhanh chóng trên thế giới thời gian qua là nguyên nhân cơ bản của những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tốt đẹp hiện nay tại các quốc gia ASEAN. Nghiên cứu nắm rõ bản chất quan hệ hội nhập kinh tế của khu vực Đông Nam Á để có thể khai thác tốt nhất những cơ hội phát triển từ đó là một yêu cầu cơ bản đối với cán bộ hoạch định chính sách của các chính thể kinh tế từ cấp doanh nghiệp cho đến ngành hàng, địa phương và nền kinh tế quốc gia. Trên cơ sở đó, môn học này được thiết kế dành cho sinh viên đại học ngành *Đông Nam Á*, với nội dung bao gồm 3 phần như sau:

- (1) Trình bày các vấn đề cơ bản của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa (chương 1, 2, 3).
- (2) Phân tích các định chế hợp tác trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á (chương 4, 5, 6).
- (3) Nghiên cứu tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia Đông Nam Á (trình bày danh mục các báo cáo chuyên đề, phân công sinh viên nghiên cứu thực hiện theo nhóm, dành ít nhất 1/3 thời lượng của môn học cho các nhóm thuyết trình và thảo luận).

2. Môn học điều kiện

STT	Môn học điều kiện	Mã môn học
1	Môn tiên quyết	
	- Không yêu cầu	
2	Môn học trước	
	- Kinh tế học đại cương	
3	Môn học song hành	
	- Không yêu cầu	

3. Mục tiêu môn học

Môn học này cung cấp những kiến thức, kỹ năng và góp phần xây dựng cho người học có thái độ tiếp cận các vấn đề hội nhập kinh tế khu vực đúng đắn, như sau:

Mục tiêu môn học	Mô tả	CĐR CTĐT
CO1	Về kiến thức, hiểu rõ lý thuyết về quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế và hệ thống định chế hợp tác kinh tế của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á với nhau và định chế hợp tác của khu vực Đông Nam Á với phần còn lại của thế giới.	PLO.4, PLO.5.
CO2	Về kỹ năng, có đủ khả năng phân tích quan hệ hợp tác kinh tế khu vực và đề xuất giải pháp hội nhập thích hợp cho các chính thể tương ứng trong nền kinh tế.	PLO.6, PLO.7, PLO.9.
CO3	Về thái độ, biết cách tiếp cận quan hệ hội nhập kinh tế khu vực phù hợp để có thể khai thác lợi ích tối đa đồng thời giảm thiểu các tác hại.	PLO.10, PLO.11.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học

Học xong môn học này, sinh viên có thể:

Mục tiêu môn học	CĐR môn học (CLO)	Mô tả CĐR
CO1	CLO.1.1	Hiểu rõ bản chất của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa.
	CLO.1.2	Nhận thức được cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế cả trên cấp độ hội nhập toàn cầu và hội nhập khu vực.
	CLO.1.3	Am hiểu sâu sắc vai trò tác động của các định chế hợp tác kinh tế khu vực Đông Nam Á để tiếp cận quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của các chính thể kinh tế một cách phù hợp.
CO2	CLO.2.1	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong nghiên cứu quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế cho người học.
	CLO.2.2	Có đủ năng lực phân tích và đề ra đối sách (cả ở tầm vi mô và vĩ mô) giúp cho các chính thể kinh tế thích nghi tốt với tiến trình hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Mục tiêu môn học	CĐR môn học (CLO)	Mô tả CĐR
	CLO.2.3	Có khả năng nghiên cứu chuyên đề để xuất giải pháp hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á cho các cấp doanh nghiệp, ngành hàng, địa phương, nền kinh tế.
CO3	CLO.3.1	Đảm bảo tốt tính chuyên cần, tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.
	CLO.3.2	Trên cơ sở đó, nhận thức đúng đắn về tính hai mặt (tích cực và tiêu cực) của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế.
	CLO.3.3	Và, không bài bác các xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa một cách cực đoan, mà phải có thái độ chấp nhận tích cực để tìm cách khai thác tốt nhất các mặt lợi ích, hạn chế đến mức thấp nhất những tác hại của toàn cầu hóa và khu vực hóa, đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế trong những điều kiện có thể.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

PLOs CLOs	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.1				x	x						
1.2				x	x						
1.3				x	x						
2.1						x	x		x		
2.2						x	x		x		
2.3						x	x		x		
3.1										x	x
3.2										x	x
3.3										x	x

5. Tài liệu tham khảo

a. Tài liệu tham khảo chính

- (1) Nguyễn Văn Sơn: *Bài giảng Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á*. Tài liệu lưu hành nội bộ, 2018.
- (2) Hoàng Thị Chinh, Nguyễn Phú Tụ, Nguyễn Hữu Lộc: *Giáo trình Kinh tế Quốc tế*. NXB Thống Kê, 2010.

b. Tài liệu đọc thêm

- (1) Guillochon Bernard, Ngân Điệp (dịch): *Toàn cầu hóa: Duy nhất một hành tinh, nhiều dự án khác nhau*, NXB Trẻ, 2011.
- (2) Thomas L. Friedman: *Chiếc Lexus và cây ô liu (The Lexus and the olive tree)*. Dịch giả: Lê Minh. NXB Khoa học Xã hội, 2005.
- (3) Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld: *International economics: theory and policy*. Pearson, 2015.
- (4) Dominick Salvatore: *International Economics: trade and finance, 10th Edition*. Singapore: John Wiley & Sons, 2011.
- (5) Bernard Hoekman, Aaditya Mattoo, Philip English: *Development, Trade, and the WTO – A handbook*. The World Bank, 2002.
- (6) Các Website tìm kiếm tài liệu tham khảo:
 - <http://asean.vietnam.vn>
 - <http://www.wto.org>
 - <http://www.imf.org>
 - <http://www.unctad.org>
 - <http://www.unido.org>
 - <http://www.oecd.org>
 - <http://europa.eu>
 - <http://www.vnep.org.vn>
 - <http://www.aseansec.org>
 - <http://www.apecsec.org>
 - <http://www.un.org>
 - <http://www.worldbank.org>
 - <http://www.undp.org>
 - <http://www.weforum.org>
 - <http://www.trungtamwto.vn>
 - <http://chongphagia.vn>
 - <http://www.tbvtvn.org>

6. Phương pháp giảng dạy – học tập

- a. Giảng lý thuyết** (đáp ứng các mục tiêu CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2, CLO.3.3):

Phần giảng dạy lý thuyết được tiến hành trong 6 buổi học đầu tiên.

Sinh viên được cung cấp syllabus và slide bài giảng trước trên diễn đàn LMS để đọc trước nội dung bài giảng và tìm hiểu các vấn đề có liên quan.

Trên lớp, giảng viên hướng dẫn sinh viên hệ thống hóa các nội dung lý thuyết, thuyết giảng mở rộng và bình luận các tình huống điển hình (mang tính thời sự) để giúp sinh viên hiểu sâu nội dung lý thuyết và biết cách vận dụng hợp lý những kỹ năng có liên quan.

Đồng thời, khuyến khích sinh viên chủ động đặt câu hỏi thảo luận trực tiếp trên lớp và/hoặc gửi email trên diễn đàn LMS.

b. Tổ chức nhóm học tập (đáp ứng các mục tiêu CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.1, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2, CLO.3.3):

Buổi học đầu tiên, giảng viên phối hợp với lớp trưởng xây dựng 8 nhóm học tập để duy trì việc học tập theo nhóm trong suốt lịch trình của môn học.

Giảng viên hướng dẫn kỹ năng làm việc nhóm để các nhóm học tập vận dụng vào hai mặt: tìm hiểu, thảo luận các nội dung lý thuyết trong thời gian tự học; và thực hành nghiên cứu chuyên đề (được đề cập trong mục tiếp theo).

c. Nghiên cứu chuyên đề, thuyết trình và thảo luận (đáp ứng các mục tiêu CLO.2.1, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2, CLO.3.3):

Buổi học đầu tiên, giảng viên phối hợp với lớp trưởng để giao đề tài nghiên cứu cho 8 nhóm học tập (đã nêu trong mục trên), cung cấp tài liệu và hướng dẫn cách thức thực hiện công trình nghiên cứu.

Việc nghiên cứu chuyên đề của các nhóm được tiến hành song song với phần học lý thuyết trong 6 buổi học đầu tiên. Việc thuyết trình và thảo luận được tiến hành trong 4 buổi học cuối, mỗi buổi 2 nhóm thuyết trình.

Giảng viên đưa ra những qui định cần thiết để tổ chức buổi thuyết trình cho đảm bảo chất lượng và giao cho nhóm thuyết trình hoàn toàn chủ động điều khiển lớp thảo luận. Sau phần trình bày của mỗi nhóm, giảng viên sẽ đưa ra nhận xét, hỗ trợ giải đáp sâu hơn những nội dung thảo luận và đánh giá chất lượng toàn bộ công việc nghiên cứu, thuyết trình, chủ trì thảo luận của từng nhóm để làm cơ sở cho việc đánh giá điểm quá trình của môn học.

7. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CDR môn học	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Thái độ chuyên cần học tập	Sau mỗi buổi học	CLO.2.1, CLO.3.1, CLO.3.2, CLO.3.3.	10%

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Thời điểm	CDR môn học	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Tính năng động trong học tập	Sau mỗi buổi học	CLO.2.1, CLO.3.1, CLO.3.2, CLO.3.3.	10%
Đánh giá quá trình	Rèn luyện kỹ năng thực hành	Sau kết quả thuyết trình của từng nhóm	CLO.2.1, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2, CLO.3.3.	30%
Đánh giá cuối kỳ	Thi trắc nghiệm khách quan	Cuối học kỳ	CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3.	50%
Tổng cộng				100%

8. Kế hoạch giảng dạy

Tuần (buổi học)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và TLTK
1	<p>Trình bày mục tiêu của môn học; phổ biến kế hoạch giảng dạy và học tập; và giảng dạy...</p> <p>Chương 1: Hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.</p> <p>1.1. Toàn cầu hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khái niệm toàn cầu hóa. • Tính hai mặt (lợi ích và tác hại) của toàn cầu hóa. • Xu hướng phát triển của toàn cầu hóa và sự đan xen của khu vực hóa. <p>1.2. Tổng quan kinh tế thế giới dưới tác động của toàn cầu hóa.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tình hình tăng trưởng kinh tế thế giới từ đầu thập niên 1990s đến nay. • Sự di chuyển nguồn lực kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. • Quan hệ kinh tế quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa. <p>1.3. Yêu cầu khách quan phải đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nền tảng của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay. 	CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.	<ul style="list-style-type: none"> • Giảng viên thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên trên lớp 4,5 tiết. • Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Học nhóm ở nhà và thảo luận trên diễn đàn LMS tối thiểu 7,5 tiết để tìm hiểu trước nội dung bài học. - Học và tham gia thảo luận trên lớp 4,5 tiết. 	Đánh giá thái độ chuyên cần và tính năng động sáng tạo trong học tập.	Xem nội dung chương 1 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.

Tuần (buổi học)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và TLTK
	<ul style="list-style-type: none"> Các xu hướng hợp tác kinh tế quốc tế chủ đạo của thời đại. Yêu cầu khách quan phải đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. 				
2	<p>Chương 2: Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu.</p> <p>2.1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Khái niệm hội nhập kinh tế toàn cầu. Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế toàn cầu. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu. <p>2.2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế toàn cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế toàn cầu. Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế toàn cầu. Đối sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế toàn cầu. <p>2.3. Các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống Bretton Woods. Hệ thống Liên Hiệp Quốc. Hệ thống GATT/WTO. Luật lệ phổ biến của hệ thống WTO. Hội nhập kinh tế toàn cầu đối với các nước đang phát triển. 	CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.	<ul style="list-style-type: none"> Giảng viên thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên trên lớp 4,5 tiết. Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> Học nhóm ở nhà và thảo luận trên diễn đàn LMS tối thiểu 7,5 tiết để tìm hiểu trước nội dung bài học. Học và tham gia thảo luận trên lớp 4,5 tiết. 	Đánh giá thái độ chuyên cần và tính năng động sáng tạo trong học tập.	Xem nội dung chương 2 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.
3	<p>Chương 3: Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực.</p> <p>3.1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> Khái niệm hội nhập kinh tế khu vực. Những nội dung cơ bản của hội nhập kinh tế khu vực. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế khu vực. 	CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.	<ul style="list-style-type: none"> Giảng viên thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên trên lớp 4,5 tiết. Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> Học nhóm ở nhà và thảo luận trên diễn đàn LMS tối thiểu 7,5 tiết để tìm hiểu 	Đánh giá thái độ chuyên cần và tính năng động sáng tạo trong học tập.	Xem nội dung chương 3 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á</i> . Đọc thêm tài liệu liên quan trong

Tuần (buổi học)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và TLTK
	<p>3.2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cơ hội của các quốc gia khi hội nhập kinh tế khu vực. • Thách thức các quốc gia gặp phải khi hội nhập kinh tế khu vực. • Đối sách trước cơ hội và thách thức khi hội nhập kinh tế khu vực. <p>3.3. Các định chế hội nhập kinh tế khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Định chế hội nhập khu vực cấp thấp. • Định chế hội nhập khu vực cấp cao. • Các định chế bổ sung để phát huy hiệu quả hội nhập kinh tế khu vực. • Hội nhập kinh tế khu vực đối với các nước đang phát triển. 		<p>trước nội dung bài học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học và tham gia thảo luận trên lớp 4,5 tiết. 		<p>phụ lục đính kèm bài giảng.</p>
4	<p>Chương 4: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).</p> <p>4.1. Tổng quan về ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lịch sử hình thành và phát triển ASEAN. • Tổ chức và cơ chế hoạt động của ASEAN. • Tổng quan kinh tế - xã hội của ASEAN. <p>4.2. Quan hệ hợp tác kinh tế trong khuôn khổ của ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giai đoạn 1967 – 1991 (ASEAN.6). • Giai đoạn 1992 – 2010 (tiến tới ASEAN.10 và xây dựng AFTA). • Giai đoạn từ 2010 trở đi (sau khi đã hoàn thành AFTA). • Cơ hội và thách thức từ hội nhập AFTA. <p>4.3. Thành tựu và triển vọng của ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thành tựu kinh tế của ASEAN. • Đánh giá triển vọng của ASEAN. • Quá độ đi lên Cộng đồng ASEAN. 	<p>CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Giảng viên thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên trên lớp 4,5 tiết. • Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Học nhóm ở nhà và thảo luận trên diễn đàn LMS tối thiểu 7,5 tiết để tìm hiểu trước nội dung bài học. - Học và tham gia thảo luận trên lớp 4,5 tiết. 	<p>Đánh giá thái độ chuyên cần và tính năng động sáng tạo trong học tập.</p>	<p>Xem nội dung chương 4 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á</i>.</p> <p>Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.</p>
5	<p>Chương 5: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC).</p> <p>5.1. Tổng quan về AEC.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lịch sử hình thành AEC. • Tổ chức và cơ chế hoạt động của AEC. 	<p>CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2,</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Giảng viên thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên trên lớp 4,5 tiết. 	<p>Đánh giá thái độ chuyên cần và tính năng động sáng</p>	<p>Xem nội dung chương 5 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu</i></p>

Tuần (buổi học)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và TLTK
	<ul style="list-style-type: none"> Vai trò của AEC trong Cộng đồng ASEAN. <p>5.2. Quan hệ hợp tác kinh tế trong khuôn khổ của AEC.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA). Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN (AFAS). Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA). Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân (MNP). <p>5.3. Đánh giá triển vọng của AEC.</p> <ul style="list-style-type: none"> Cơ hội của AEC. Thách thức đối với AEC. Triển vọng của AEC. 	<p>CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> Học nhóm ở nhà và thảo luận trên diễn đàn LMS tối thiểu 7,5 tiết để tìm hiểu trước nội dung bài học. Học và tham gia thảo luận trên lớp 4,5 tiết. 	<p>tạo trong học tập.</p>	<p><i>vực Đông Nam Á.</i></p> <p>Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.</p>
6	<p>Chương 6: Hợp tác của ASEAN với các đối tác ngoài khu vực.</p> <p>6.1. Tính tất yếu khách quan phải mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> ASEAN là khu vực quan trọng của lòng chảo Châu Á – Thái Bình Dương. Yêu cầu tăng tốc phát triển kinh tế khu vực để thích nghi với toàn cầu hóa. Tính tất yếu khách quan phải mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN. <p>6.2. Quan hệ hội nhập với các đối tác ngoài khu vực theo phương thức ASEAN+1.</p> <ul style="list-style-type: none"> Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Trung Quốc (ACFTA). Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản (AJCEP). Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA). Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Ấn Độ (AIFTA). 	<p>CLO.1.1, CLO.1.2, CLO.1.3, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Giảng viên thuyết giảng và giải đáp thắc mắc của sinh viên trên lớp 4,5 tiết. Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> Học nhóm ở nhà và thảo luận trên diễn đàn LMS tối thiểu 7,5 tiết để tìm hiểu trước nội dung bài học. Học và tham gia thảo luận trên lớp 4,5 tiết. 	<p>Đánh giá thái độ chuyên cần và tính năng động sáng tạo trong học tập.</p>	<p>Xem nội dung chương 6 bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á.</i></p> <p>Đọc thêm tài liệu liên quan trong phụ lục đính kèm bài giảng.</p>

Tuần (buổi học)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và TLTK
	<ul style="list-style-type: none"> Khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Úc và New Zealand (AANZFTA). <p>6.3. Xu hướng mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thúc đẩy quan hệ kinh tế với các đối tác hiện hữu. Tiềm năng mở rộng quan hệ hợp tác với nhiều đối tác mới. Xu hướng mở rộng quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế của ASEAN. 				
7 8 9 10	<p>Báo cáo chuyên đề: Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia Đông Nam Á.</p> <ol style="list-style-type: none"> Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Brunei. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Campuchia. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Indonesia. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Lào. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Malaysia Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Myanmar. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Philippines. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Singapore. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Thailand. Tác động của hội nhập kinh tế khu vực đến sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. 	CLO.2.1, CLO.2.2, CLO.2.3, CLO.3.1, CLO.3.2.	<ul style="list-style-type: none"> Mỗi nhóm học tập phải làm việc nhóm ở nhà tối thiểu 30 tiết để nghiên cứu chuyên đề, chuẩn bị kịch bản thuyết trình và chủ trì thảo luận trên lớp. Mỗi buổi 4,5 tiết có 2 nhóm thuyết trình. Thời lượng dành cho mỗi nhóm khoảng 100', chia ra như sau: <ul style="list-style-type: none"> Diễn giả thuyết trình 20 – 25' (các nhóm được tự do sáng tạo kịch bản diễn thuyết). Thảo luận 45 – 50' (nhóm thuyết trình chủ động điều khiển lớp thảo luận). Giảng viên giải đáp thắc mắc, nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm 25 – 30'. Buổi học cuối cùng, sau khi nhóm thứ 8 thuyết trình xong, giảng viên sẽ công bố điểm quá trình của các 	Đánh giá rèn luyện kỹ năng thực hành.	Đọc tài liệu hướng dẫn nghiên cứu chuyên đề ở cuối tập bài giảng <i>Hội nhập kinh tế khu vực Đông Nam Á</i> , và những tài liệu liên quan khác của từng chuyên đề đã được hướng dẫn nguồn truy xuất.

Tuần (buổi học)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và TLTK
			nhóm và hướng dẫn làm bài thi kiểm tra cuối kỳ.		

9. Quy định của môn học

- Quy định về tham gia trên LMS: sinh viên tham gia tích cực và có nhiều ý kiến thể hiện tính năng động, sáng tạo sẽ được cộng thêm điểm quá trình.
- Các diễn đàn của lớp chỉ dành cho mục đích học tập, sinh viên không được thảo luận những nội dung ngoài môn học gây ảnh hưởng tiêu cực đến lớp học và nhà trường. Khi tham gia diễn đàn, sinh viên phải luôn có thái độ trung thực, hòa nhã, lịch sự, tôn trọng người khác...
- Quy định về kiểm tra, đánh giá môn học: tất cả sinh viên phải tham gia vào các nhóm học tập, phối hợp làm việc nhóm theo sự phân công của nhóm trưởng và kiểm tra chéo lẫn nhau để đánh giá về thái độ chuyên cần và tính năng động sáng tạo trong học tập, nếu không sẽ không được chấm điểm quá trình. Điểm đánh giá kết quả nghiên cứu chuyên đề và thuyết trình, về nguyên tắc, tất cả thành viên cùng một nhóm sẽ được điểm như nhau, trừ khi có đề nghị khác (trừ điểm chuyên cần của những thành viên không tích cực) được sự đồng thuận của cả nhóm.
- Nội quy lớp học: tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo và qui chế của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

NGUYỄN VĂN SƠN